TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 04/2019/DS-ST
Ngày 28-5-2019
V/v xin ly hôn, yêu cầu nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Đức
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Dương Hữu Ưu
Ông Nông Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lương Thanh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về vụ xin ly hôn, yêu cầu nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
3. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo giấy ủy quyền số 62/QĐ-$NHN_{0.}$BS-UQ ngày 25/4/2019 là bà Lương Thị Kiều Oanh, sinh năm: 1977, chức vụ Trưởng phòng Kinh tế kinh doanh Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

Chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán; chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B số 07 ngày 28/01/2010. Sau khi kết hôn chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H sống với nhau hạnh phúc. Khoảng năm 2012 giữa chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H đã có phát sinh mâu thuẫn, do anh Hoàng Văn H không tu chí làm ăn, chị Hoàng

Thị T đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã T sống một thời gian; sau đó được hai bên gia đình khuyên bảo chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H tiếp tục chung sống và có với nhau một con chung. Từ năm 2016 vợ chồng anh, chị thường xuyên đánh, chửi nhau do anh Hoàng Văn H lao vào con đường nghiện hút; tháng 5/2017 anh Hoàng Văn H bị Công an bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Lường Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

Về con chung: Chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H có 01 con chung tên là Hoàng Gia L, sinh ngày 22/8/2014, hiện tại cháu Hoàng Gia L đang ở với anh Hoàng Văn H tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Ban đầu chị Lường Thị T có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Hoàng Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay chị T đã đồng ý để anh H nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo đề nghị của anh H.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Chị Lường Thị T thừa nhận anh chị có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện B, tỉnh Lạng Sơn số nợ gốc tính đến ngày 26/4/2019 là 88.000.000 đồng. Khi ly hôn chị T và anh H thỏa thuận anh H là người đứng ra trả số nợ trên cho Ngân hàng theo hợp đồng vay.

Bị đơn anh Hoàng Văn H trình bày: Giữa anh H và chị T không có mâu thuẫn, anh cũng thừa nhận là bị cơ quan Công an bắt từ tháng 5/2017 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành hình phạt tù. Kể từ khi anh H đi chấp hành hình phạt tù chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn H cũng đồng ý; vì anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh Hoàng Văn H cũng thừa nhận anh chị có 01 con chung tên là Hoàng Gia L, sinh ngày 22/8/2014, hiện tại cháu Hoàng Gia L đang ở với anh Hoàng Văn H tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn anh Hoàng Văn H có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Anh Hoàng Văn H có cung cấp Hợp đồng tín dụng số 8411-LAV-201502399; MKH: 8411-280095904 ngày 01/12/2015 và giấy đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng ngày 03/8/2016; giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; chi nhánh huyện B. Anh H trình bày là vợ chồng anh chị còn nợ Ngân hàng là 88.000.000 đồng, anh H đồng ý tự nguyện một mình trả số nợ trên cho Ngân hàng theo hợp đồng vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; chi nhánh huyện B; người đại diện theo ủy quyền là bà Lương Thị Kiều Oanh, chức vụ Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng Nông Nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh Lạng Sơn (giấy ủy quyền số 62/QĐ-NHN$_o$.BS-UQ ngày 25/4/2019). Xác nhận tính đến ngày 26/4/2019 anh Hoàng Văn H còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt

Nam; chi nhánh huyện B là 88.000.000 đồng; Ngân hàng đề nghị anh H là người đứng tên vay sẽ là là người phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số nợ gốc là 88.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H là hợp pháp có đăng ký hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày vợ chồng đã mâu thuẫn nhiều năm, không còn quan tâm đến nhau vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc đến nhau nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn H. Tại phiên tòa hôm nay giữa anh Hoàng Văn H và chị Lường Thị T đồng ý thống nhất thuận tình ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H thỏa thuận thống nhất để anh Hoàng Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Gia L, sinh ngày 22/8/2014 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) chị Lường Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội; nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H trình bày là không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa Chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H cùng với đại diện Ngân hàng nông nghiệp và pháp triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B thỏa thuận, anh Hoàng Văn H trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện B số tiền 88.000.000 đồng tính đến ngày 26/4/2019 theo Hợp đồng tín dụng số 8411-LAV-201502399; MKH: 8411-280095904 ngày 01/12/2015 và giấy đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng ngày 03/8/2016. Hội đồng xét xử nghi nhận sự tự nguyện thỏa của các đương sự.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện B về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, tự nguyện nuôi con chung giữa chị

Lường Thị T và anh Hoàng Văn H; ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của anh H đối với Ngân hàng. Chị Lường Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Lường Thị T và anh Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Hoàng Văn H và chị Lường Thị T giao cháu Hoàng Gia L, sinh ngày 22/8/2014, cho anh Hoàng Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lường Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự là anh Hoàng Văn H có trách trả cho Ngân hàng nông nghiệp và pháp triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền gốc 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng) tính đến ngày 26/4/2019 và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 8411-LAV-201502399; MKH: 8411-280095904 ngày 01/12/2015 và giấy đề nghị điều chỉnh hợp đồng tín dụng ngày 03/8/2016; giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân đã ký giữa anh H và Ngân hàng.

5. Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2015/0000135 ngày 18/3/2019. Chị Lường Thị T đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Mạnh Đức